Ký bởi Vũ Thị Thu Cúc
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Hưng Yên
Giờ ký: 2018.08.31 14:34:52 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2215 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 31 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Cải tạo, nạo vét sông Ngưu Giang - Giai đoạn 2 (Hệ thống kênh tiêu nhánh: KT2, KT3, KT7, KT11, KT11-2);

Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-QLN-Cty ngày 24/7/2009 của Công ty khai thác công trình thủy lợi phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Công trình: Cải tạo, nạo vét sông Ngưu Giang - Giai đoạn 2 (Hệ thống kênh tiêu nhánh: KT2, KT3, KT7, KT11, KT11-2);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 198/TTr-STC ngày 21/6/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dựa án hoàn thành

1. Tên dự án: Cải tạo, nạo vét sông Ngưu Giang - Giai đoạn 2 (Hệ thống kênh tiêu nhánh: KT2, KT3, KT7, KT11, KT11-2).

2. Tên công trình (Hạng mục công trình): Cải tạo, nạo vét sông Ngưu Giang - Giai đoạn 2 (Hệ thống kênh tiêu nhánh: KT2, KT3, KT7, KT11, KT11-2).

3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi tỉnh Hưng Yên

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Văn Giang, huyện Yên Mỹ, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

5. Thời gian thực hiện: Năm 2009-2010; Hoàn thành: Năm 2011

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư được duyệt	Thực hiện
Tổng số:		
Nguồn vốn: Trái phiếu Chính phủ	**4.572.000.000**	**3.717.500.000**

2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Tổng dự toán, dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư đề nghị quyết toán
Tổng số:	**4.558.005.188**	**3.717.500.000**
- Chi phí xây lắp	3.595.373.000	3.411.368.000
- Chi phí Ban quản lý dự án	73.435.000	46.000.000
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	268.536.518	216.698.000
- Chi phí khác	61.925.670	43.434.000
- Đền bù GPMB	150.000.000	0
- Chi phí dự phòng	408.735.000	0

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Công trình (HMCT) thuộc chủ đầu tư quản lý	Công trình (HMCT) giao cho đơn vị khác quản lý
Tổng số	**3.717.500.000**	**0**
Tài sản cố định	3.717.500.000	0

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số:	**3.717.500.000**	
Nguồn vốn: Trái phiếu Chính phủ	3.717.500.000	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 05/11/2017:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Số tiền	Ghi chú

Tổng vốn được thanh toán	**3.717.500.000**	
Tổng vốn đã thanh toán	3.694.360.000	
Tổng nợ phải thu	41.992.000	
Tổng nợ phải trả	65.132.000	

c) Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Không

2. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan liên quan:

Giá trị đầu tư công trình được phê duyệt quyết toán làm căn cứ để Chủ đầu tư và đơn vị được nhận bàn giao:

- Ghi sổ và hạch toán đúng chế độ kế toán thống kê hiện hành.

- Chủ đầu tư có trách nhiệm thu hồi các khoản thanh toán vượt số được phê duyệt quyết toán và thanh toán các khoản công nợ của công trình hoàn thành theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình Thủy lợi tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1[LT].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Ngọc Quỳnh